

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2020/HS-PT

Ngày 05 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Y Thông Kbuôr và ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 167/2020/TLPT-HS, ngày 25 tháng 6 năm 2020, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn Q, sinh năm 1983 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn T1, sinh năm: 1940 và con bà Trịnh Thị T2, sinh năm: 1944; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm: 1988 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2010, con nhỏ nhất sinh năm: 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 178/2006/HSST ngày 02/8/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và Bản án số 208/2010/HSPT ngày 20/7/2010 của TAND tỉnh Đắk Lắk xử 09 năm tù về tội “Hiếp dâm”;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

2. Họ và tên: Bùi Quang T, sinh năm: 1992 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo:

Không; con ông Bùi Quang C, sinh năm: 1963 và con bà Trần Thị T3, sinh năm: 1964; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Thiên P, sinh năm: 1978 tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và con bà Bùi Thị Thu H, sinh năm: 1956; có vợ là Lê Thị V, sinh năm: 1986 và có 02 con, con lớn nhất, sinh năm: 2009, con nhỏ nhất, sinh năm: 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Đăng K, sinh năm: 1971 tại tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đăng T4 và con bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1983; có 01 con lớn sinh năm: 2001; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

5. Họ và tên: Đào Vũ Anh K2, sinh năm: 1986 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố B, phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đào Thanh T5, sinh năm: 1958 và con bà Võ Thị H, sinh năm: 1965; có vợ là Hà Thị H, sinh năm: 1986 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 2009, con nhỏ nhất sinh năm: 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

6. Họ và tên: Nguyễn Văn S, sinh năm: 1986 tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1959 và con bà Võ Thị H3, sinh năm: 1962; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Bà Đào Tú Tr**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

2. **Ông Trần Quốc D**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. **Chị H' M MJào** (tên gọi khác H' H MJào), sinh năm 1997. Địa chỉ: Buôn D, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 17/01/2020, Lê Văn Q trú tại Thôn T, xã D, huyện C; Trần Thanh B trú tại thôn M, xã D, huyện C; Nguyễn Thiên P, trú tại thôn T, xã E, huyện B và một số người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng đến quán cà phê HD, tại thôn H, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk do bà Đào Tú Tr làm chủ để uống cà phê. Tại đây, Q, B, P và một số người khác rủ nhau chơi đánh bạc dưới hình thức xóc bầu cua được thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Lúc này, Q lấy 01 bộ dụng cụ treo ở bờ rào trước quán cà phê HD để xóc bầu cua gồm: 01 tờ giấy kích thước (60x41) cm, trên mặt giấy có in hình quả bầu, con cua, con tôm, con cá, con gà, con nai; 01 tô nhôm; 01 đĩa nhôm cùng 03 con xúc sắc hình lập phương có 06 mặt, mỗi mặt được in hình quả bầu, con cua, con cá, con gà, con nai rồi cùng nhau ra vỉa hè phía trước quán cà phê HD để đánh bầu cua. Q trải tờ giấy xuống nền và cầm cái xóc bầu cua, những người còn lại tham gia đặt cược. Trong lúc Q, B, P và một số người khác đang tham gia đánh bầu cua thì có Nguyễn Văn S, Nguyễn Đăng K, Đào Vũ Anh K2, Bùi Quang T, đến cùng tham gia đánh bầu cua. Quá trình đánh bầu cua thì Q và T thay nhau cầm cái xóc bầu cua, những người còn lại tham gia đặt cược.

Cách thức đánh bạc dưới hình thức đánh bầu cua như sau: Các đối tượng sử dụng 01 tờ giấy kích thước (60x41) cm, trên mặt giấy có 06 hình tròn, mỗi một hình tròn có in các hình quả bầu, con cua, con tôm, con cá, con gà, con nai; 01 tô nhôm và 01 đĩa nhôm cùng 03 con xúc sắc hình lập phương, trên các mặt xúc sắc có hình quả bầu, con cua, con tôm, con cá, con gà, con nai. Sau đó, người cầm cái đặt 03 con xúc sắc vào trong đĩa nhôm rồi lấy tô nhôm đậy kín lại, lắc lên một lần để cho các con xúc sắc thay đổi vị trí. Người cầm cái xóc xong thì những người tham gia chơi sẽ đặt cược vào các hình tương ứng trên mặt giấy, khi người chơi đã đặt cược xong thì người cầm cái mở nắp tô nhôm ra. Kết quả

thắng thua như sau: Mặt trên của 03 con xúc sắc sẽ có 03 hình trong số các hình quả bầu, con cua, con tôm, con cá, con gà, con nai, người chơi đặt cược hình trùng với hình trên xúc sắc là người thắng cược và thắng được số tiền bằng với số tiền đã đặt cược. Nếu mặt trên của 02 hoặc 03 con xúc sắc giống nhau thì thắng được số tiền gấp đôi, gấp ba số tiền người chơi đã đặt cược, người chơi không có các hình tương ứng với hình đã đặt cược là người thua cược và thua số tiền đã đặt cược. Trong quá trình chơi bầu cua, người chơi thắng cược thì người cầm cái là người chung tiền, người chơi thua cược thì người cầm cái thắng được số tiền mà người chơi đã đặt cược. Nếu một trong ba con xúc sắc bị kênh thì người cầm cái sẽ xóc lại. Quá trình đánh bầu cua thì mỗi người chơi đều có quyền "tả" (tức là lấy số tiền đặt cược của người chơi khác đã đặt cược để đặt cược vào hình khác). Khi mở tô ra, các con xúc sắc có hình trùng với người chơi đã "tả" và không trùng hình với người chơi trước đã đặt cược thì người "tả" thắng được số tiền của người đặt cược trước đồng thời thắng được số tiền đã "tả" do người cầm cái chung. Các con xúc sắc có hình không trùng với người chơi đã "tả" và không trùng với người chơi trước đã đặt cược thì người cầm cái thắng. Các con xúc sắc trùng với người chơi đã đặt cược trước mà không trùng với người chơi đã "tả" thì người cầm cái thắng, người "tả" phải chung tiền cho người chơi đã đặt cược trước bằng gấp đôi số tiền đã "tả". Các con xúc sắc trùng với người chơi đã đặt cược trước và trùng với người chơi đã "tả" thì người "tả" thắng cược đồng thời nhận tiền từ người cầm cái và phải chung lại cho người chơi đã đặt cược trước đó bằng với số tiền đã "tả".

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Cư M'gar bắt quả tang và thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.428.000 đồng cùng toàn bộ dụng cụ, đồ vật sử dụng để đánh bạc. Ngoài ra, quá trình bắt quả tang còn có một số đối tượng bỏ chạy thoát không xác định được nhân thân lai lịch.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 tờ giấy kích thước (60x41)cm, trên mặt giấy có 06 hình tròn, trong các hình tròn có in các hình tương ứng như hình quả bầu, con cua, con tôm, con cá, con gà, con nai; 01 tô nhôm; 01 đĩa nhôm cùng 03 con xúc sắc hình khối lập phương, trên các mặt có in các hình tương ứng như hình quả bầu, con cua, con tôm, con cá, con gà, con nai (*có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra – Công an huyện Cư M'gar chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar ngày 09/4/2020*).

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Bị cáo Q sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo T sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo P sử dụng số tiền 650.000 đồng, bị cáo K sử dụng số tiền 340.000 đồng, bị cáo K2 sử dụng số tiền 250.000 đồng, bị cáo Sang sử dụng số tiền 30.000 đồng để tham gia đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2020/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Q, Bùi Quang T, Nguyễn Thiên P, Nguyễn Đăng K, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S phạm tội: “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Quang T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thiên P 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng K 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020.

Xử phạt: Bị cáo Đào Vũ Anh K2 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Trần Thanh B 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị. Quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đăng K kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ; bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thiên P, Đào Vũ Anh K2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Văn Q, Bùi Quang T, Nguyễn Thiên P, Nguyễn Đăng K, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo Q là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội cố ý gây thương tích và Hiếp dâm, bị cáo T tham gia tích cực cùng bị cáo Q cầm cái để các con bạc khác đặt cược. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết mà bị cáo được hưởng, mức hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm tình tiết nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q và bị cáo T.

Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo P, K, K2, S là có phần nghiêm khắc so với tính chất mức độ hành vi các bị cáo gây ra. Các bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình khó khăn các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần cho bị cáo hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo về công tác giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Do đó, Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Q, Bùi Quang T.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thiên P, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S,

Sửa Bản án sơ thẩm số 29/2020/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thiên P 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đào Vũ Anh K2 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 tháng 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các Bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ xin HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai nhận của các bị cáo Lê Văn Q, Bùi Quang T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thiên P, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 17/01/2020, tại vỉa hè trước quán cà phê HD của bà Đào Tú Tr tại thôn H, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk các bị cáo Lê Văn Q, Trần Thanh B, Nguyễn Thiên P tham gia đánh bạc dưới hình thức xóc bầu cua ăn thua bằng tiền. Quá trình đánh bạc bị cáo Q là người chuẩn bị dụng cụ và cầm cái xóc đĩa. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, lần lượt có Nguyễn Văn S, Nguyễn Đăng K, Đào Vũ Anh K2, Bùi Quang T đến tham gia đánh bạc. Lúc này, bị cáo T thay bị cáo Q cầm cái xóc đĩa, còn bị cáo Q tham gia đặt cược. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Cư M'gar bắt quả tang và thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.428.000 đồng cùng toàn bộ dụng cụ, đồ vật sử dụng để đánh bạc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc bởi lẽ, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình các hoàn cảnh khó khăn, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc không lớn. Các bị cáo T, K, P, S, K2, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vai trò không đáng kể, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chấp hành tốt chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo Q có Bố được tặng thưởng Huân chương Chiến Sĩ giải phóng, hiện

bị cáo đang phụng dưỡng cha mẹ già. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn Q theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Quyết. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Thiên P, Nguyễn Đăng K, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T và cho hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thiên P, Nguyễn Đăng K, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn hình phạt tù là áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo về công tác giáo dục, phòng ngừa và tin rằng các bị cáo sẽ rút ra bài học sớm cải tạo thành công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, trong thời gian chấp hành án người chấp hành án phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên các bị cáo là lao động chính trong gia đình, thu nhập không ổn định nên cần xem xét và miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Trong vụ án này, có bị cáo Trần Thanh B cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo và bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù, tuy không kháng cáo nhưng xét thấy vai trò của bị cáo giống như các bị cáo khác nên cần xem xét sửa Bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo B theo quy định tại khoản 3 Điều 357 BLTTHS để đảm bảo tính công bằng của pháp luật là phù hợp.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, đ, e khoản 1, 3 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn Q.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Quang T, Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thiên P, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

[2]. **Tuyên bố:** Các bị cáo Lê Văn Q, Trần Thanh B, Bùi Quang T, Nguyễn

Thiên P, Nguyễn Đăng K, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Bị cáo **Lê Văn Q 06** (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Bị cáo **Trần Thanh B 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bị cáo **Bùi Quang T 05** (năm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thiên P 01** (một) năm **03** (Ba) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 (06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Nguyễn Thiên P còn phải chấp hành 01(một) năm 02(hai) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thiên P cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong

thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thiên P.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đăng K 12** (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 (06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Nguyễn Đăng K còn phải chấp hành 11(Mười một) tháng 12(mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Đăng K cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đăng K.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đào Vũ Anh K2 09** (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 (06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Đào Vũ Anh K2 còn phải chấp hành 08(tám) tháng 12(mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đào Vũ Anh K2 cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đào Vũ Anh K2.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn S 06** (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ cho bị cáo thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2020 đến ngày 23/01/2020 (06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Nguyễn Văn S còn phải chấp hành 05(năm) tháng 12(mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Đắk Lắk nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo

Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn S.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn Q, Bùi Quang T, Nguyễn Thiên P, Nguyễn Đăng K, Đào Vũ Anh K2, Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Công an huyện Cư M'gar;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Sở Tư Pháp;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E, huyện B;
- UBND xã D, huyện C;
- UBND phường A, thị xã H
- UBND H, huyện M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung